TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST Ngày: 27 - 9 - 2025 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn "	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Đức Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân, khu vực 10 - TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Q - Sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn MT, xã TL, tỉnh TH.
- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn L - Sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn MT, xã TL, tỉnh TH.
Tại phiên toà vắng mặt chị Q và anh L, chị Lê Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày: Chị và anh Phạm Văn L tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, tỉnh TH vào ngày 28/7/2006, theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ, chồng sống với nhau được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai vợ chồng

không hợp nhau về quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân trở nên bế tắc và không có hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị L; sinh ngày 24/3/2006 và Phạm Trí L; sinh ngày 06/12/2014. Hiện nay cháu L đã đến tuổi trưởng thành tự lo được cuộc sống của mình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu L ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu L cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi thành niên. Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn L để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Q nhưng anh L không có mặt nên không có lời khai của anh L và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Văn L không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xử cho chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Phạm Văn L. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thị L; sinh ngày 24/3/2006 và Phạm Trí L; sinh ngày 06/12/2014. Hiện nay cháu L đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét giải quyết, đối với con chung Phạm Trí L theo đề nghị của đương sự và nguyện vọng của con. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của đương sự về việc giao nuôi con chung, giao cháu Phạm Trí L cho chị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến tuổi thành niên. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q. Anh L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Chị Lê Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lê Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn L. Theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đối thoại thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - TH.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Phạm Văn L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh L theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Phạm Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh L không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Văn L lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh L vẫn không có mặt mà không có lý do. Chị Lê Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định vào các Điều 227, Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị Lê Thị Q và anh Phạm Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, tỉnh TH vào ngày 28/7/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống chung lâm vào tình trạng bế tắc không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu vào năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, việc này cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh L lên làm việc để anh L được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh L đều không có mặt, thể hiện anh L có ý bỏ mặc, không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đến thời điểm hiện tại chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị Q và anh L đã lâm vào tình trạng bế tắc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Phạm Văn L.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Q và anh Phạm Văn L có 02 con chung là Phạm Thị L; sinh ngày 24/3/2006 và Phạm Trí L; sinh ngày 06/12/2014. Hiện nay cháu L đã đến tuổi trưởng thành nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu L hiện tại đang ở cùng chị, ly hôn chị Q đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Phạm Trí L cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Để không bị xáo trộn cuộc sống và sự phát triển bình thường về mọi mặt, theo

nguyện vọng của con, HĐXX chấp nhận yêu cầu của đương sự, giao cháu Phạm Trí L cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình và Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án chị Q không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị Q đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Q xác định chị vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con nên chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Phạm Văn L không trình bày ý kiến về phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39; 147;227; 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải đối thoại.

Căn cứ: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị Quyết số: 01/2024/ NQHĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ: Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Q được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trí L; sinh ngày 06/12/2014 cho chị Lê Thị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Anh Phạm Văn L được quyền được đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0007664 ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh TH, chị Lê Thị Q đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Q và anh L. Chị Lê Thị Q và anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND khu vực 10- TH;
- THADS tỉnh TH;
- Các đương sự;
- UBND xã TL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Phạm Đức Hoàn** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Lê Thị Ngọc** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Triệu Kim Bình **Phạm Thị Diệu** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Phạm Đức Hoàn** **Phạm Xuân Thành**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Trung Thành **Hà Thị Hòa** **Phạm Xuân Thành**